

**Học phần: Thông tin di động****Nhóm: TEL1415-05****Số tín chỉ: 3****Ngày thi: 3/6/2016****Giờ thi: 13h00**

| Số TT     | Mã SV      | Họ và tên       |       | Lớp         | Điểm CC | Điểm TBKT | Điểm TN-TH | Điểm BTTL | Điểm m THI | Điểm KTHP | Ghi chú       |
|-----------|------------|-----------------|-------|-------------|---------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|---------------|
| Trọng số: |            |                 |       |             | 10      | 10        | 10         | 10        | 60         |           |               |
| 1         | B12DCVT296 | Nguyễn Văn Mười | Chín  | D12CQVT07-B | 5,0     | 4,0       | 1,0        | 7,0       | 5,0        | 4,7       |               |
| 2         | B12DCVT298 | Nguyễn Tiến     | Đạt   | D12CQVT07-B | 8,0     | 6,0       | 8,0        | 10,0      | 4,0        | 5,6       |               |
| 3         | B12CCVT082 | Nguyễn Trung    | Đức   | C12CQVT02-B | 8,0     | 4,0       | 8,0        | 6,0       | 2,0        | 3,8       |               |
| 4         | B13CCVT084 | Trần Hồng       | Đức   | C13CQVT01-B | 0,0     | 0,0       | 0,0        | 0,0       |            | 0,0       | Không đủ ĐKDT |
| 5         | B12DCVT300 | Đỗ Thị Kim      | Dung  | D12CQVT07-B | 6,0     | 4,0       | 6,0        | 10,0      | 5,0        | 5,6       |               |
| 6         | B12DCVT202 | Nguyễn Thị Thái | Hà    | D12CQVT05-B | 10,0    | 7,0       | 8,0        | 8,0       | 3,0        | 5,1       |               |
| 7         | B12DCVT010 | Nguyễn Nam      | Hải   | D12CQVT01-B | 0,0     | 4,0       | 0,0        | 8,0       |            | 1,2       | Không đủ ĐKDT |
| 8         | B12DCVT160 | Nguyễn Thị      | Hạnh  | D12CQVT04-B | 10,0    | 7,0       | 7,0        | 10,0      | 9,0        | 8,8       |               |
| 9         | B12DCVT059 | Đình Tiến       | Hiếu  | D12CQVT02-B | 6,0     | 6,0       | 8,0        | 9,0       | 6,0        | 6,5       |               |
| 10        | B12DCVT060 | Trịnh Đức       | Hiếu  | D12CQVT02-B | 10,0    | 7,0       | 7,0        | 8,0       | 2,0        | 4,4       |               |
| 11        | B12DCVT014 | Lê              | Hoạt  | D12CQVT01-B | 4,0     | 6,0       | 8,0        | 5,0       | 5,0        | 5,3       |               |
| 12        | B12DCVT310 | Lại Đăng        | Hưng  | D12CQVT07-B | 6,0     | 7,0       | 7,0        | 9,0       | 4,0        | 5,3       |               |
| 13        | B12DCVT312 | Vũ Văn          | Hưu   | D12CQVT07-B | 10,0    | 4,0       | 6,0        | 8,0       | 5,0        | 5,8       |               |
| 14        | B12DCVT313 | Trần Văn        | Huy   | D12CQVT07-B | 2,0     | 6,0       | 4,0        | 5,0       | 0,0        | 1,7       | Vắng          |
| 15        | B12DCVT314 | Nguyễn Xuân     | Khôi  | D12CQVT07-B | 9,0     | 5,0       | 4,0        | 4,0       | 4,0        | 4,6       |               |
| 16        | B12DCVT315 | Nguyễn Hữu      | Liêm  | D12CQVT07-B | 9,0     | 4,0       | 4,0        | 7,0       | 2,0        | 3,6       |               |
| 17        | B12DCVT122 | Lê Văn          | Mạnh  | D12CQVT03-B | 0,0     | 2,0       | 0,0        | 0,0       |            | 0,2       | Không đủ ĐKDT |
| 18        | B12DCVT072 | Lê Văn          | Minh  | D12CQVT02-B | 10,0    | 6,0       | 8,0        | 9,0       | 5,0        | 6,3       |               |
| 19        | B12DCVT322 | Nguyễn Duy      | Nam   | D12CQVT07-B | 0,0     | 4,0       | 4,0        | 0,0       |            | 0,8       | Không đủ ĐKDT |
| 20        | B12DCVT173 | Đào Thị Hồng    | Nhung | D12CQVT04-B | 10,0    | 6,0       | 7,0        | 9,0       | 6,0        | 6,8       |               |
| 21        | B12DCVT329 | Vũ Đức          | Quang | D12CQVT07-B | 2,0     | 5,0       | 6,0        | 6,0       | 4,0        | 4,3       |               |
| 22        | B12DCVT346 | Trịnh Trọng     | Quý   | D12CQVT07-B | 4,0     | 6,0       | 7,0        | 6,0       | 6,0        | 5,9       |               |
| 23        | B13CCVT028 | Đặng Văn        | Quyết | C13CQVT01-B | 0,0     | 3,0       | 0,0        | 0,0       |            | 0,3       | Không đủ ĐKDT |
| 24        | B12DCVT331 | Bùi Kim Thành   | Sơn   | D12CQVT07-B | 6,0     | 4,0       | 8,0        | 4,0       | 4,0        | 4,6       |               |
| 25        | B12DCVT132 | Nhữ Văn         | Sơn   | D12CQVT03-B | 10,0    | 6,0       | 7,0        | 8,0       | 5,0        | 6,1       |               |
| 26        | B12DCVT180 | Vũ Thanh        | Sơn   | D12CQVT04-B | 10,0    | 8,0       | 8,0        | 10,0      | 6,0        | 7,2       |               |
| 27        | B12DCVT181 | Đàm Thị Thanh   | Tâm   | D12CQVT04-B | 10,0    | 8,0       | 8,0        | 10,0      | 6,0        | 7,2       |               |
| 28        | B12DCVT032 | Lê Duy          | Thái  | D12CQVT01-B | 10,0    | 8,0       | 8,0        | 5,0       | 6,0        | 6,7       |               |

| Số TT     | Mã SV      | Họ và tên   |       | Lớp         | Điểm CC | Điểm TBKT | Điểm TN-TH | Điểm BTTL | Điểm m THI | Điểm KTHP | Ghi chú       |
|-----------|------------|-------------|-------|-------------|---------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|---------------|
| Trọng số: |            |             |       |             | 10      | 10        | 10         | 10        | 60         |           |               |
| 29        | B12DCVT230 | Nguyễn Văn  | Thăng | D12CQVT05-B | 10,0    | 7,0       | 6,0        | 10,0      | 8,0        | 8,1       |               |
| 30        | B13CCVT033 | Hoàng Văn   | Thành | C13CQVT01-B | 0,0     | 1,0       | 0,0        | 0,0       |            | 0,1       | Không đủ ĐKDT |
| 31        | B13CCVT071 | Nguyễn Đình | Thành | C13CQVT02-B | 2,0     | 4,0       | 4,0        | 5,0       | 4,0        | 3,9       |               |
| 32        | B12DCVT084 | Hoàng Thị   | Thu   | D12CQVT02-B | 10,0    | 8,0       | 7,0        | 9,0       | 3,0        | 5,2       |               |
| 33        | B12DCVT289 | Trần Quốc   | Trung | D12CQVT06-B | 10,0    | 6,0       | 8,0        | 10,0      | 4,0        | 5,8       |               |
| 34        | B13CCVT041 | Hoàng Nghĩa | Tuấn  | C13CQVT01-B | 0,0     | 3,0       | 0,0        | 0,0       |            | 0,3       | Không đủ ĐKDT |
| 35        | B12DCVT344 | Nguyễn Văn  | Uy    | D12CQVT07-B | 10,0    | 7,0       | 7,0        | 7,0       | 5,0        | 6,1       |               |
| 36        | B13CCVT083 | Phạm Đức    | Vượng | C13CQVT02-B | 6,0     | 5,0       | 4,0        | 3,0       | 4,0        | 4,2       |               |

**Ghi chú:**

|                        |    |    |                           |    |    |
|------------------------|----|----|---------------------------|----|----|
| - Số SV theo DS:       | 36 | SV | - Số SV dự thi:           | 28 | SV |
| - Số SV thi đạt:       | 25 | SV | - Số SV vắng thi:         | 1  | SV |
| - Số SV thi không đạt: | 11 | SV | - Số SV vắng thi có phép: | 0  | SV |
| - Số SV thi lại:       | 0  | SV |                           |    |    |

**CÁN BỘ KHỚP PHÁCH**

**SỐ 1**

**SỐ 2**

Hà Nội, ngày 5 tháng 7 năm 2016  
**TRƯỞNG TRUNG TÂM**

**Phạm Anh Tuấn**

**Nguyễn Hoa Cương**

**Nguyễn Xuân Trường**







